



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Cao su Tân Biên

Ngày 30/09/2025	29,100 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-0.3%	-3.1%	-

DT thuần Q3/25
316
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 52.0 19.6%
YoY: ▲ 5.00 1.5%

LN thuần Q3/25
120
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 42.6 54.8%
YoY: ▲ 22.0 22.3%

LN sau thuế Q3/25
114
tỷ VNĐ
QoQ: ▼91.0 -44.6%
YoY: ▼4.00 -3.8%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
41.3%
YoY: +/- ▼ 54.4%

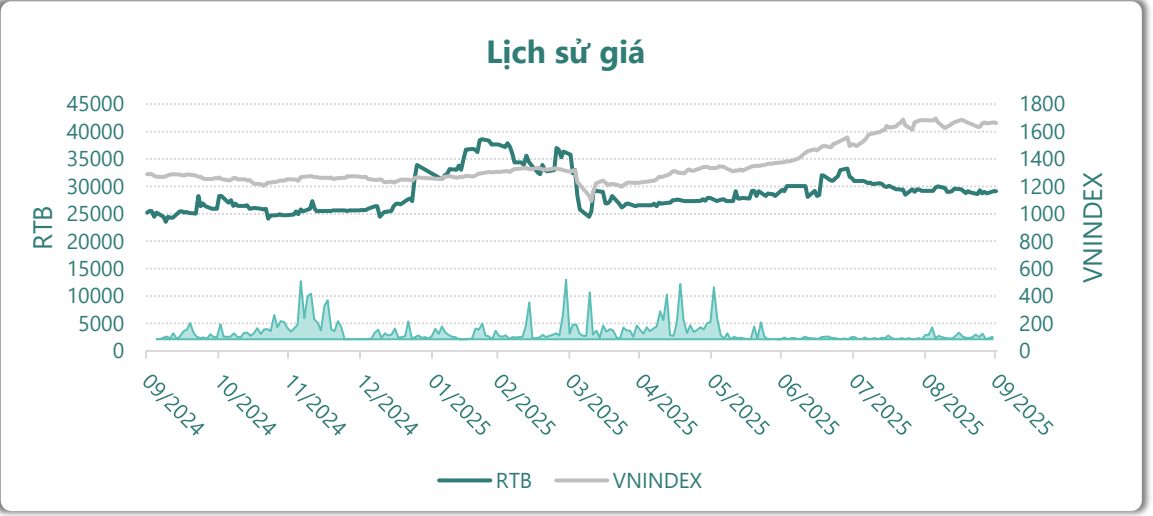
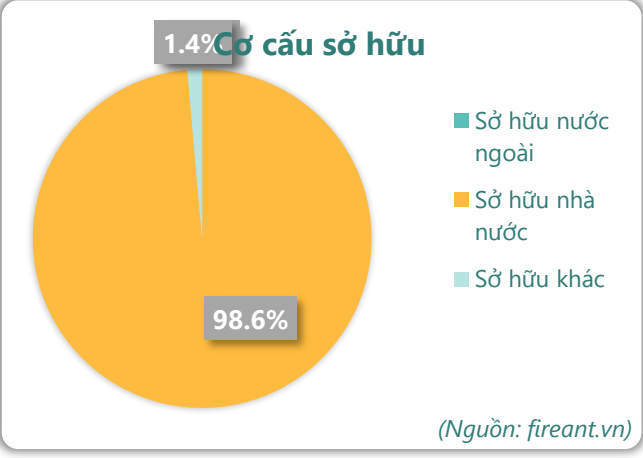
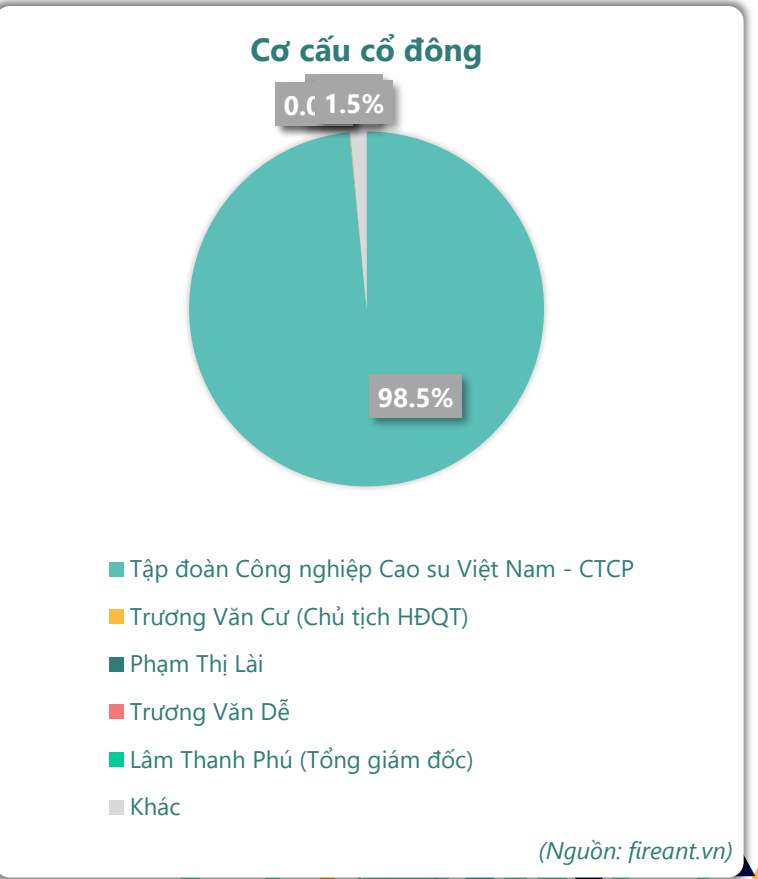
ROE (TTM) Q3/25
15.2%
YoY: +/- ▼ 0.6%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	23,542 - 38,609
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,559
Số lượng CPLH (CP)	87,945,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,565
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.27
EPS	4,618
P/E	6.3

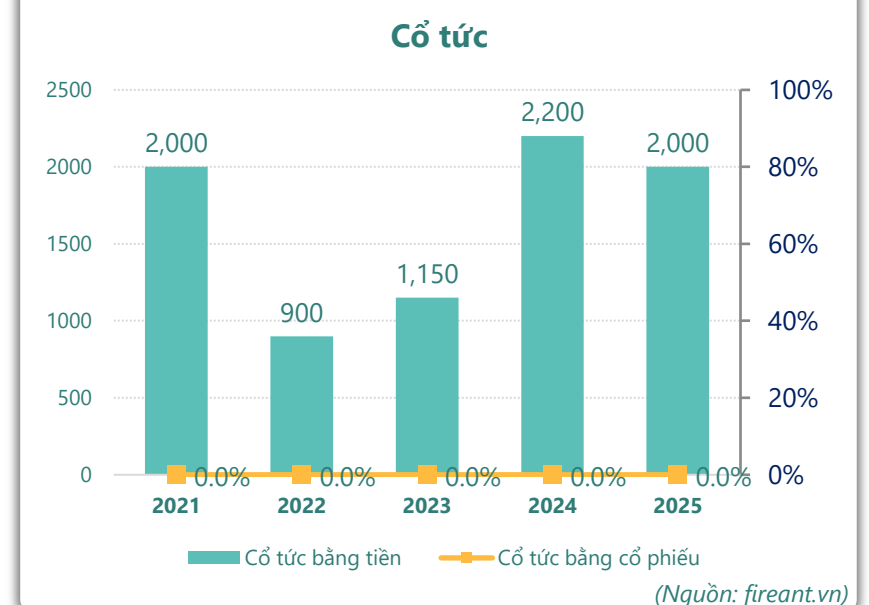
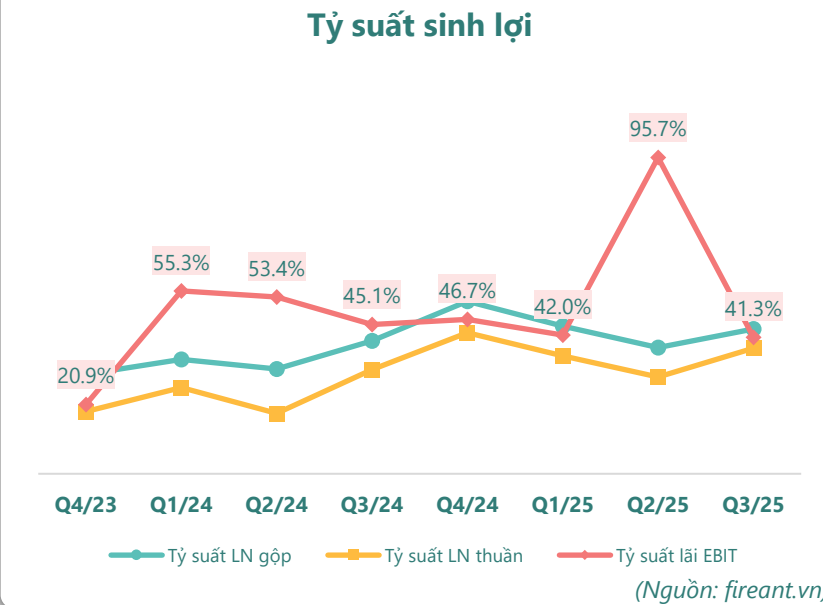
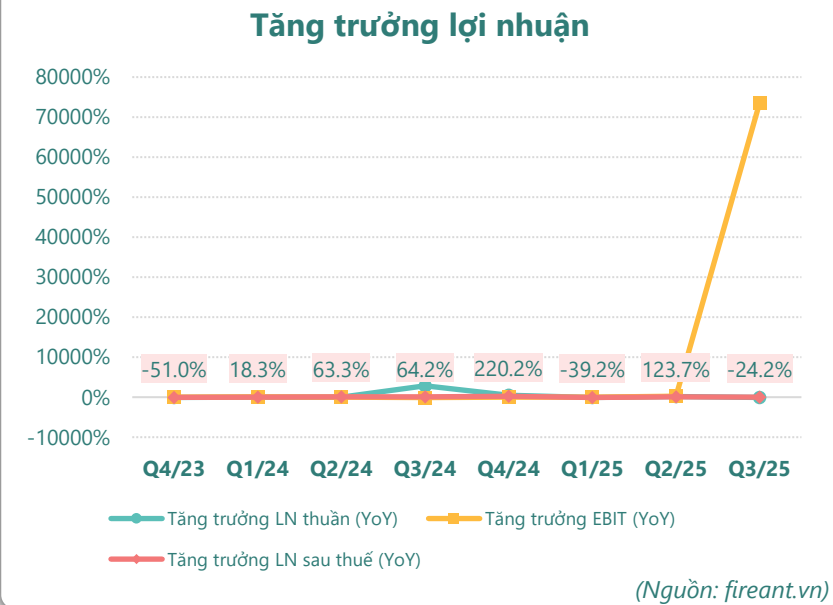
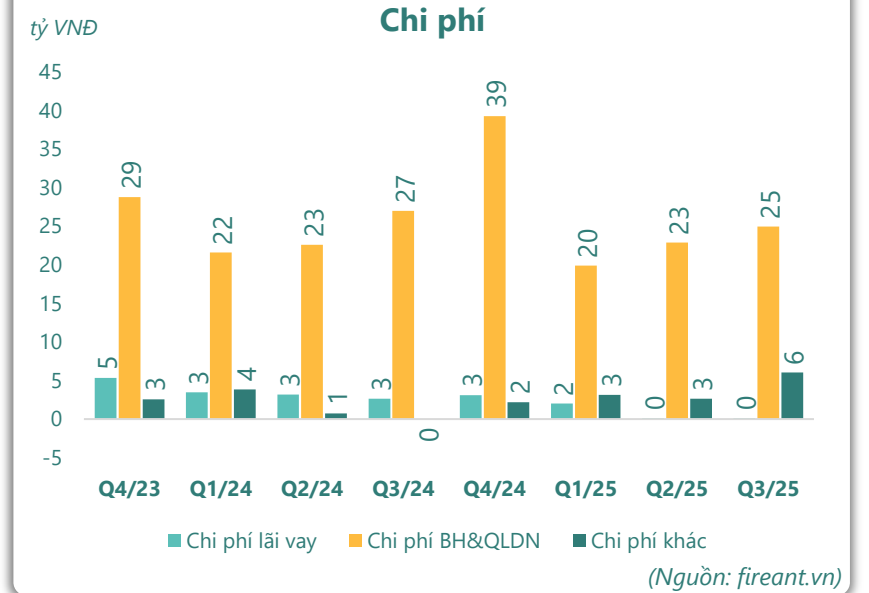
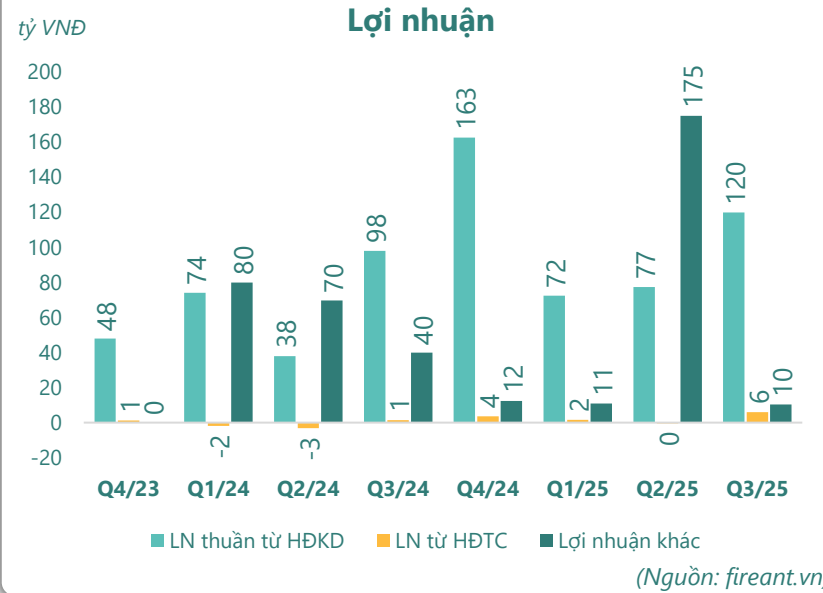
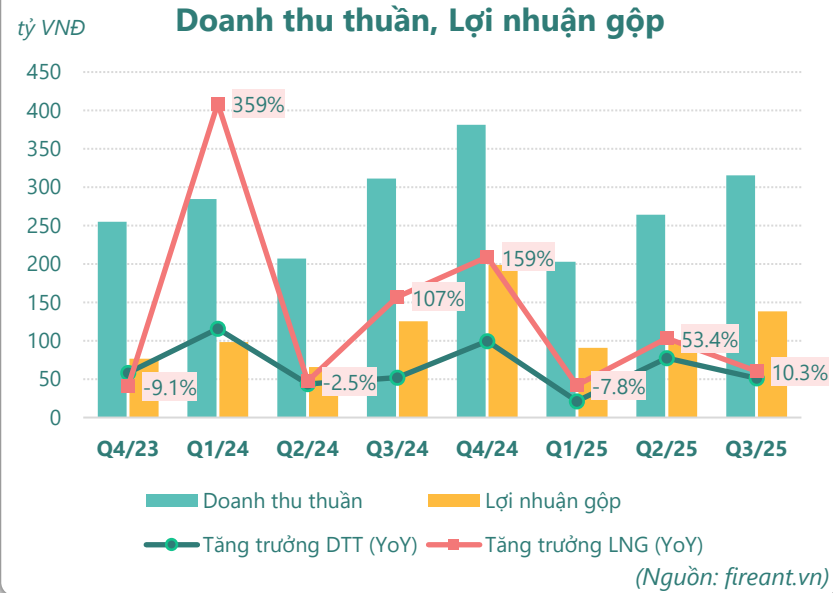
DT thuần 9T 2025
783
tỷ VNĐ
YoY: ▼20.0 -2.5%

LN thuần 9T 2025
270
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 60.0 28.4%

LN sau thuế 9T 2025
392
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 60.0 18.3%



KẾT QUẢ KINH DOANH



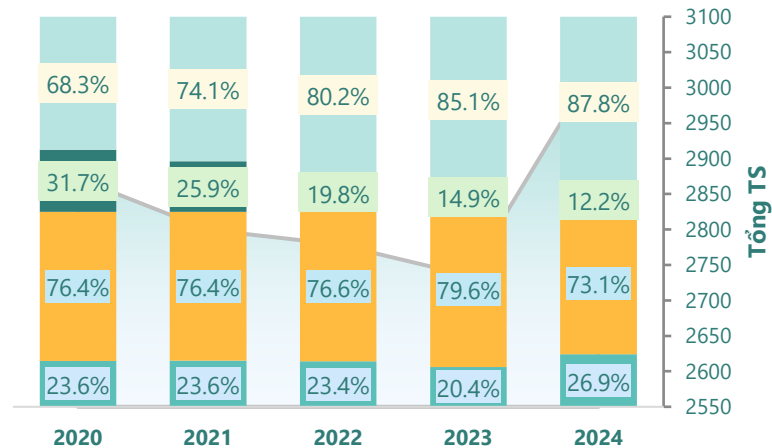


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ

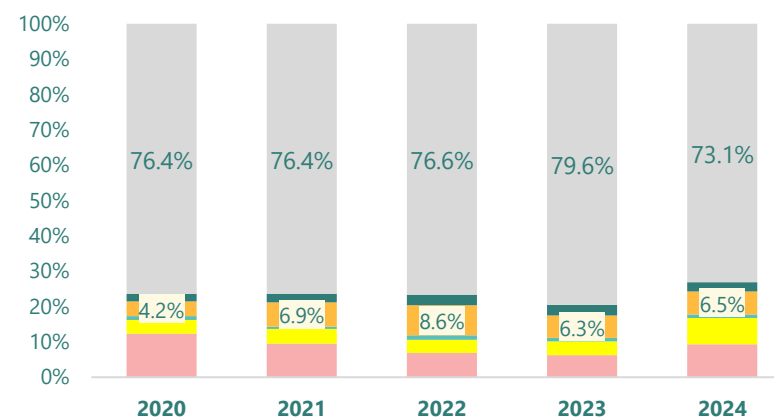
Tổng TS



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

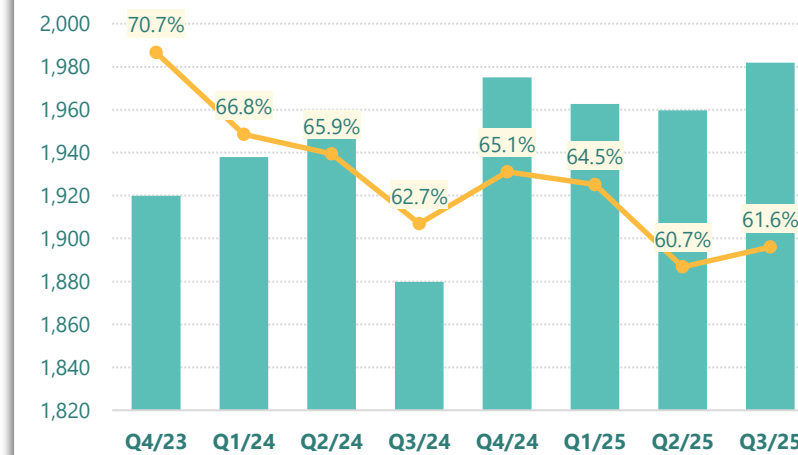


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn ■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

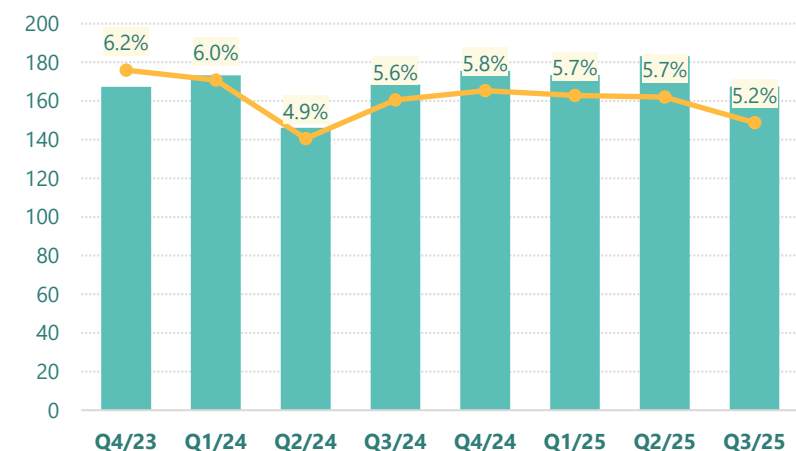


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

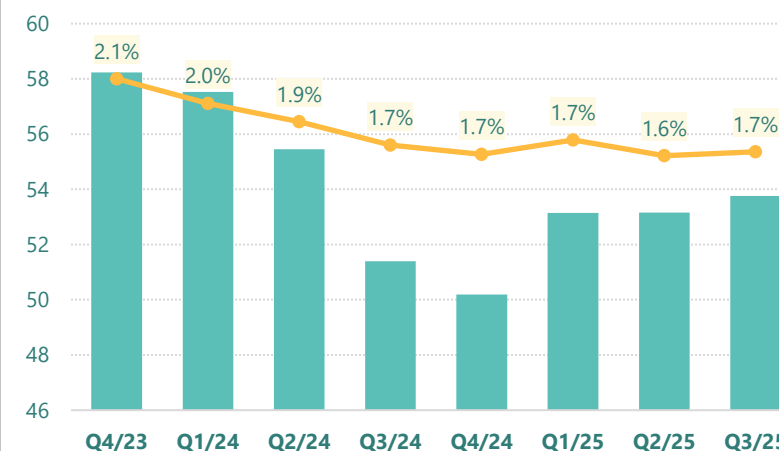


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

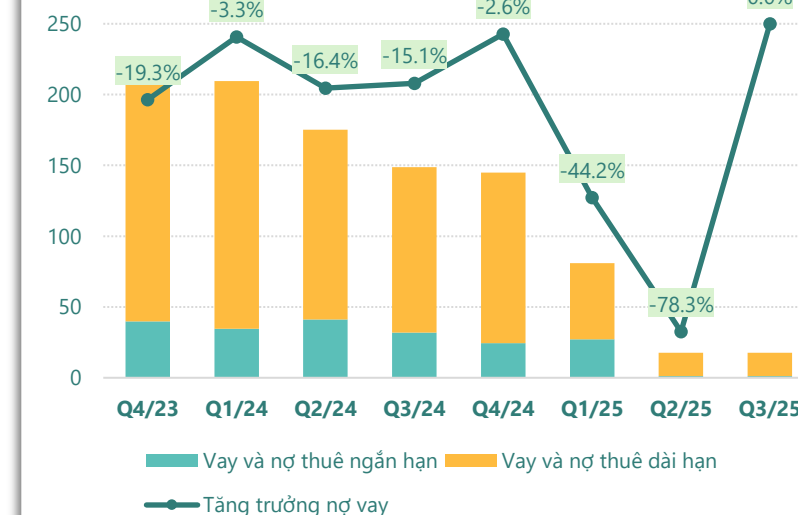


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



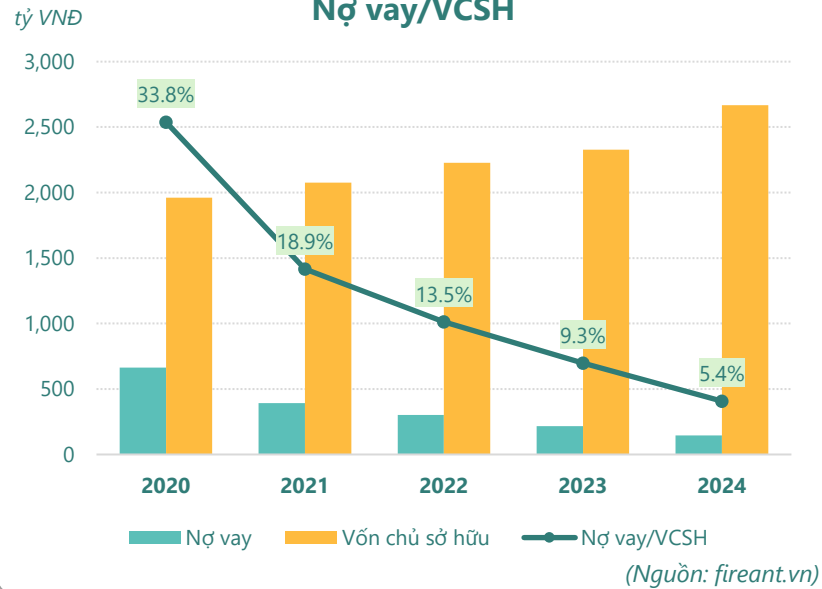
■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn — Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

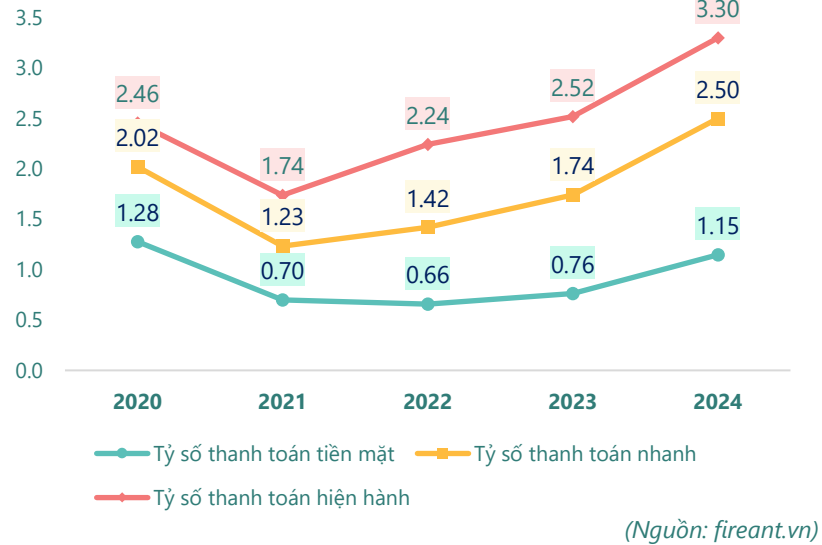


HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

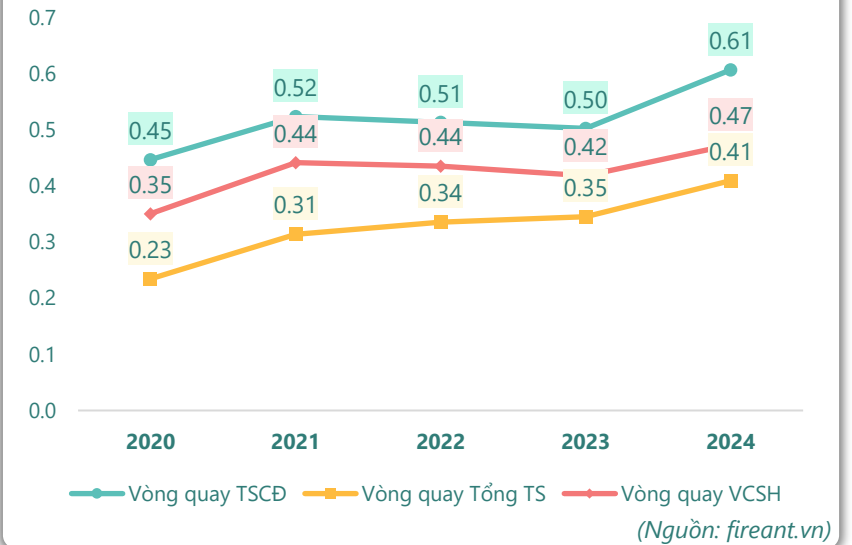
Nợ vay/VCSH



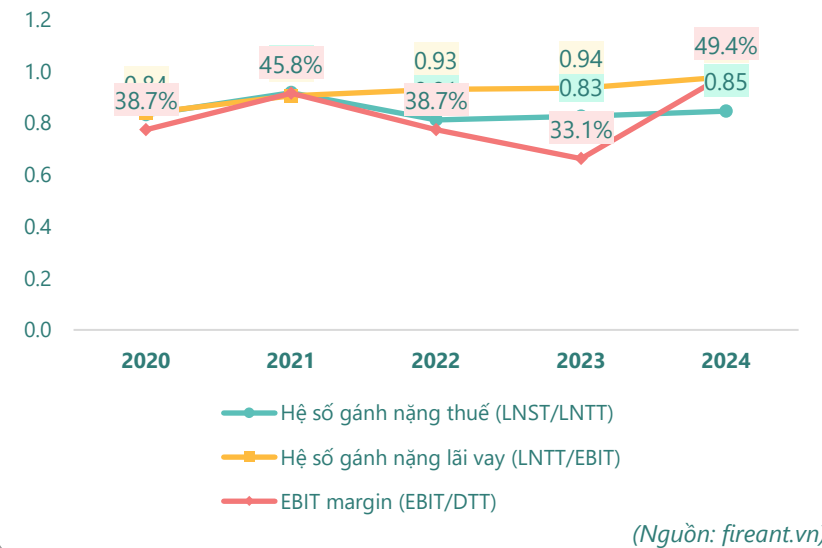
Chỉ số thanh khoản



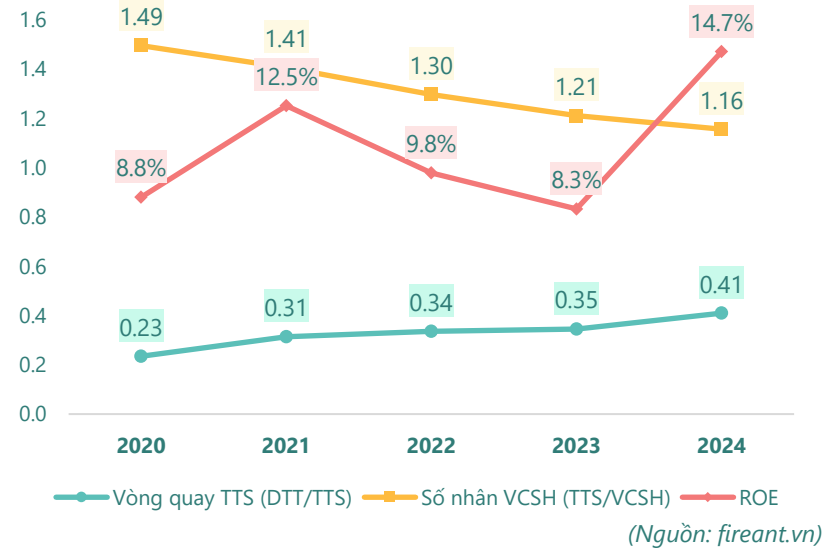
Vòng quay tài sản



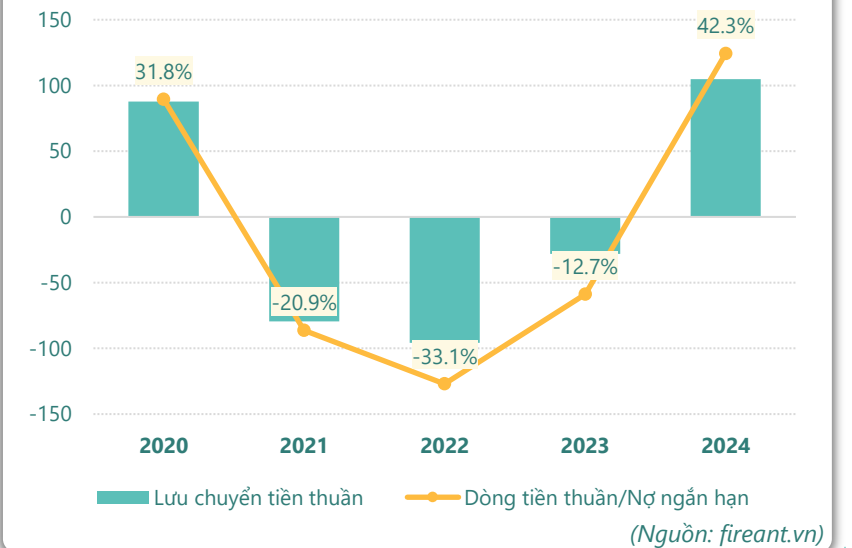
Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



Vòng quay tài sản và ROE



Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	316	311	1.5%	783	803	-2.5%
Giá vốn hàng bán	177	186	-4.6%	453	514	-11.8%
Lợi nhuận gộp	138	125	10.5%	330	289	13.9%
Doanh thu HĐTC	7.84	10.2	-23.2%	17.8	25.3	-29.7%
Chi phí TC	1.81	8.72	-79.2%	10.6	28.9	-63.4%
Chi phí lãi vay	0.12	2.66	-95.4%	2.26	9.28	-75.7%
LN trong công ty LKLD	0.60	-1.76	134%	0.63	-4.55	114%
Chi phí bán hàng	10.1	11.6	-13.1%	21.7	25.1	-13.3%
Chi phí QLDN	14.9	15.4	-3.4%	46.0	46.1	-0.3%
LN thuần từ HĐKD	120	98.0	22.3%	270	210	28.4%
Lợi nhuận khác	10.4	39.9	-74.0%	196	189	3.7%
LN trước thuế	130	138	-5.7%	466	399	16.7%
Lợi nhuận sau thuế	114	118	-3.8%	392	332	18.3%
LNST của CĐ cty mẹ	75.0	80.0	-6.3%	304	267	14.1%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	77.6	93.8	199	-40.7	129	51.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-71.6	238	-119	42.7	66.7	65.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-43.6	-21.4	-255	-63.8	-63.6	-121
Tiền đầu kỳ	176	141	448	284	226	364
Lưu chuyển tiền thuần	-37.5	310	-176	-61.8	132	-3.39
Ảnh hưởng tỷ giá	2.26	-3.24	12.0	3.49	6.15	7.49
Tiền cuối kỳ	141	448	284	226	364	368

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,217	3,038	5.9%
Tài sản ngắn hạn	994	817	21.7%
Tiền và tương đương tiền	368	284	29.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	215	224	-4.0%
Phải thu ngắn hạn	28.6	30.5	-6.2%
Hàng tồn kho	299	198	51.2%
Tài sản ngắn hạn khác	83.0	79.9	4.0%
Tài sản dài hạn	2,223	2,221	0.1%
Phải thu dài hạn	0.22	0	
Tài sản cố định	1,982	1,975	0.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	167	174	-3.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	53.8	53.1	1.2%
Tài sản dài hạn khác	19.6	18.8	4.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	303	370	-18.3%
Nợ ngắn hạn	285	248	15.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1.20	33.2	-96.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	32.3	20.7	56.2%
Nợ dài hạn	17.3	123	-85.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	16.4	112	-85.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,915	2,667	9.3%
Vốn chủ sở hữu	2,915	2,667	9.3%
Vốn điều lệ	879	879	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

